Năm 2021, Việt Nam gặp nhiều khó khăn, thách thức do dịch COVID-19. Tuy nhiên, thực hiện phương châm thích ứng an toàn, linh hoạt kiểm soát hiệu quả dịch bệnh nên dù trong bối cảnh khó khăn đó, nền kinh tế Việt Nam vẫn có những thành tựu tốt.

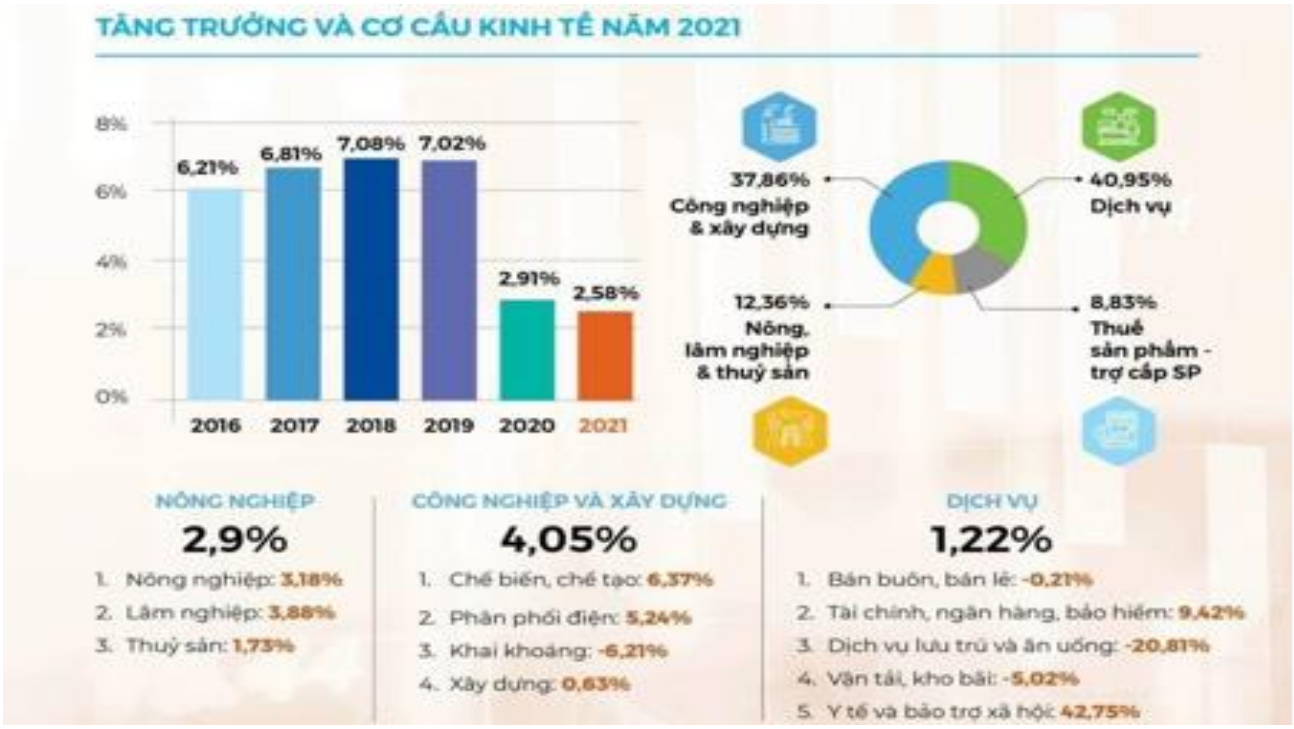

Khi đại dịch cơ bản được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế trong quý IV/2021 đã phục hồi khá nhanh chóng, với mức tăng trưởng GDP ước đạt 5,22% (cao hơn tốc độ tăng 4,61% của quý IV/2020), tính chung ước GDP năm 2021 tăng 2,58%. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 6,37%; ngành xây dựng tăng 0,63%.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành năm 2021 tăng 3,2% so với năm 2020. Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành năm 2021 đạt 2.891,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,2% so với năm trước (quý IV/2021 đạt 999,8 nghìn tỷ đồng, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước). Trong đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2021, ước đạt 19,74 tỷ USD, giảm 1,2% so với năm trước.

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT THÉP

Than mỡ luyện coke

Giá than mỡ luyện cốc (Premium Hard coking coal) xuất khẩu tại cảng Úc ngày 10/1/2022 giao dịch ở mức 336USD/tấn FOB, tăng mạnh 44,5USD so với đầu tháng 12/2021.

Sắt thép vụn

Giá thép phế liệu loại HMS ½ 80:20 nhập khẩu cảng Đông Á ở mức 500USD/tấn CFR Đông Á ngày 5/1/2022 giảm 30USD/tấn so với hồi đầu tháng 12/2021.

Giá thép phế chào bán tại các thị trường Mỹ, Châu Âu ổn định, trong khi Đông Á có xu hướng giảm.

Quặng sắt loại 62%Fe:

Giá quặng sắt loại (62% Fe) ngày 10/1/2022 giao dịch ở mức **125,2-125,7** USD/Tấn CFR cảng Thiên Tân, Trung Quốc, tăng khoảng 25 USD/tấn so với thời điểm 6/12/2021.

Mức giá này giảm khoảng 85-87USD/tấn so với mức giá cao nhất được ghi nhận hồi đầu tháng 5/2021 (~ 210 - 212 USD/tấn).

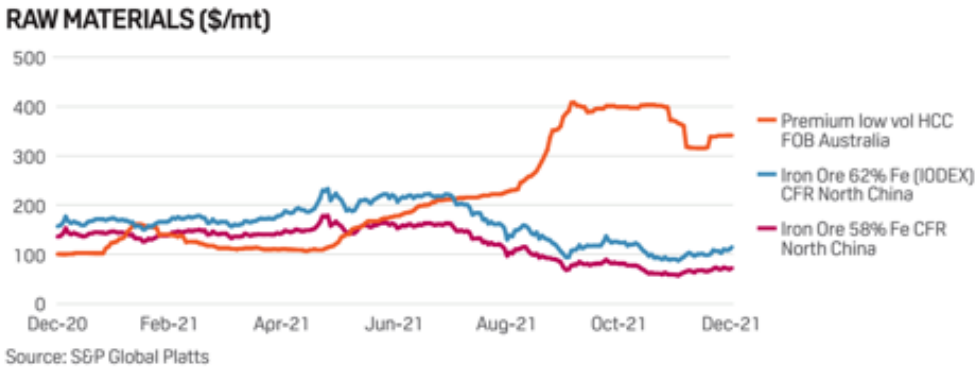

Products	Unit	November	Early December	Early December $/mt
Iron ore				
Iron Ore 62% Fe (IODEX) CFR North China	$/dmt	87-104	98-115	98-115
Iron Ore 58% Fe CFR North China	$/dmt	57-68	65-74	65-74
Coking coal				
Prem Low Vol HCC FOB Aus	$/mt	316-403	316-342	316-342

Source: S&P Global Platts

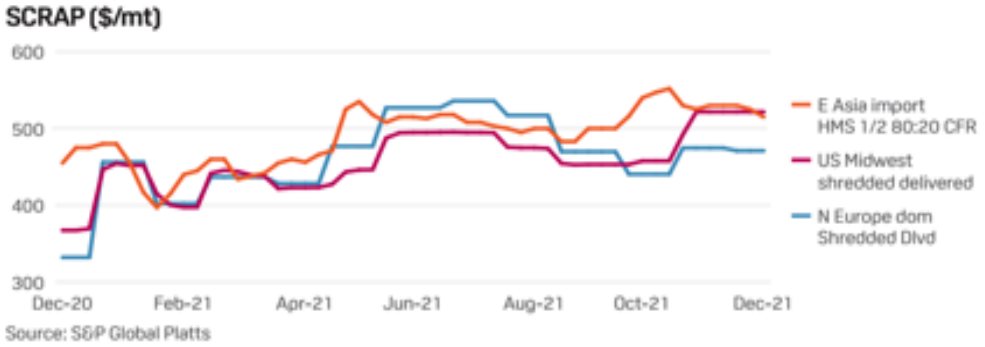

Điện cực graphite (GE):

Giá điện cực graphite (GE) của Trung Quốc trong tháng 12/2021 giảm 1.000 NDT/tấn (157 USD/tấn) so với tháng trước.

Giá điện cực loại 450mm HP được đánh giá ở mức 20.000- 21.000 NDT/tấn (3.140-3.295 USD/tấn) trong khi đối với loại 600mm UHP ở mức 24.500-25.500 NDT/tấn (3.845 - 4.000 USD/tấn).

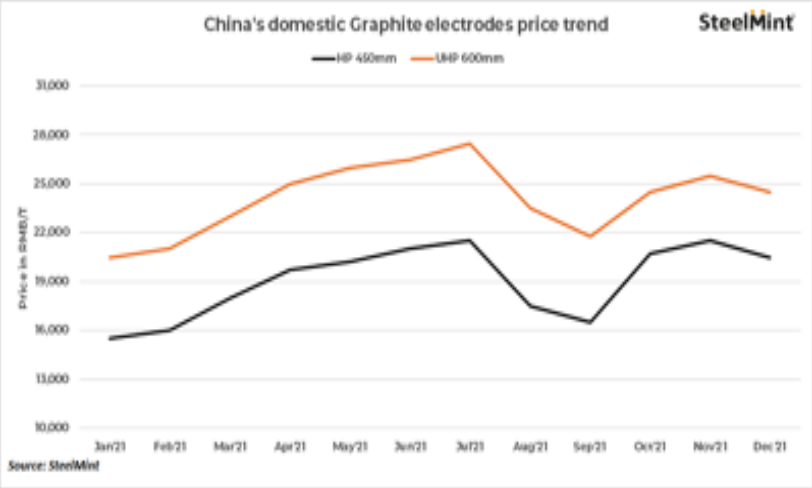

Nguồn: SteelMint 12/2021

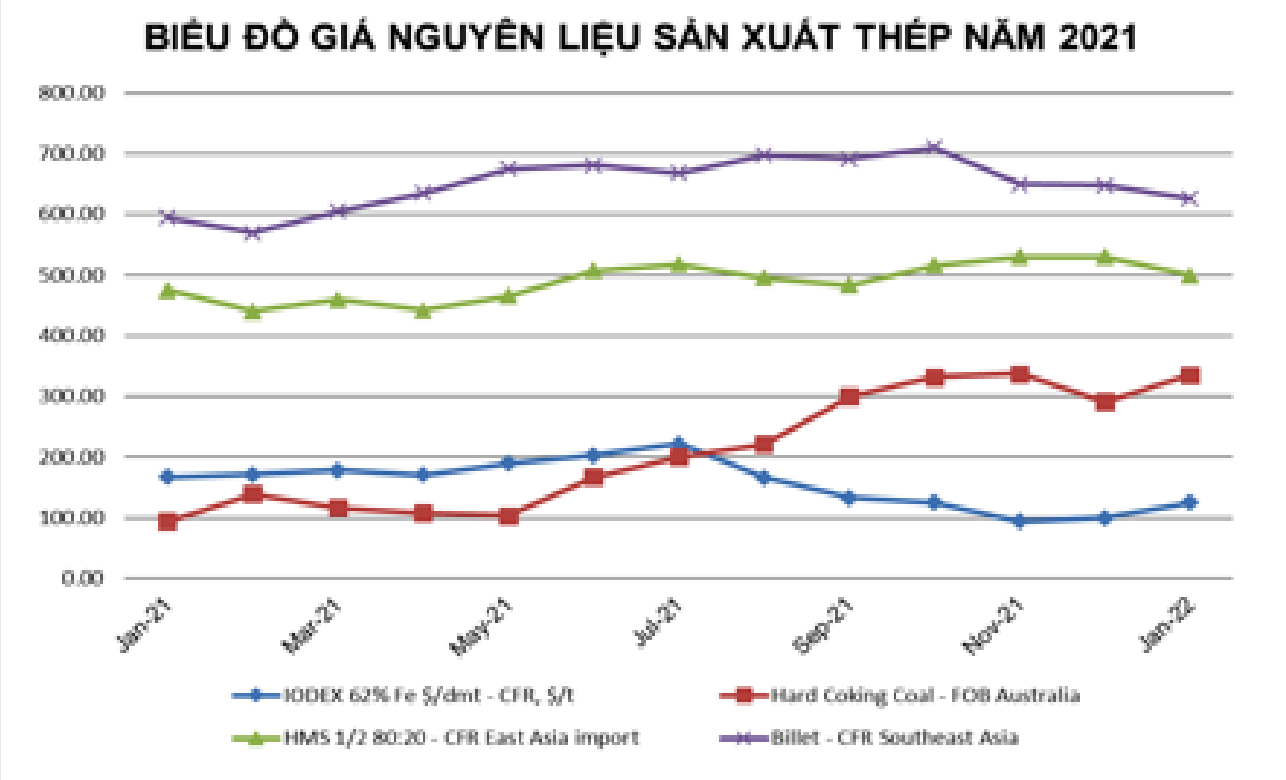

2. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT - BÁN HÀNG CÁC SẢN PHẨM THÉP

2.1. Tình hình sản xuất - bán hàng thép thô

Tháng 12/2021:

❖ Sản xuất thép thô đạt **1.429.639** tấn, **giảm 25%** so với tháng trước, và **giảm 25,8%** so với cùng kỳ;

❖ Tiêu thụ thép thô đạt **1.893.254** tấn, **giảm 6,5%** so với tháng trước, nhưng **tăng 3,4%** so với cùng kỳ 2020. Trong đó, xuất khẩu thép thô là**203.900** tấn, **giảm 14,1%** so với cùng kỳ 2020.

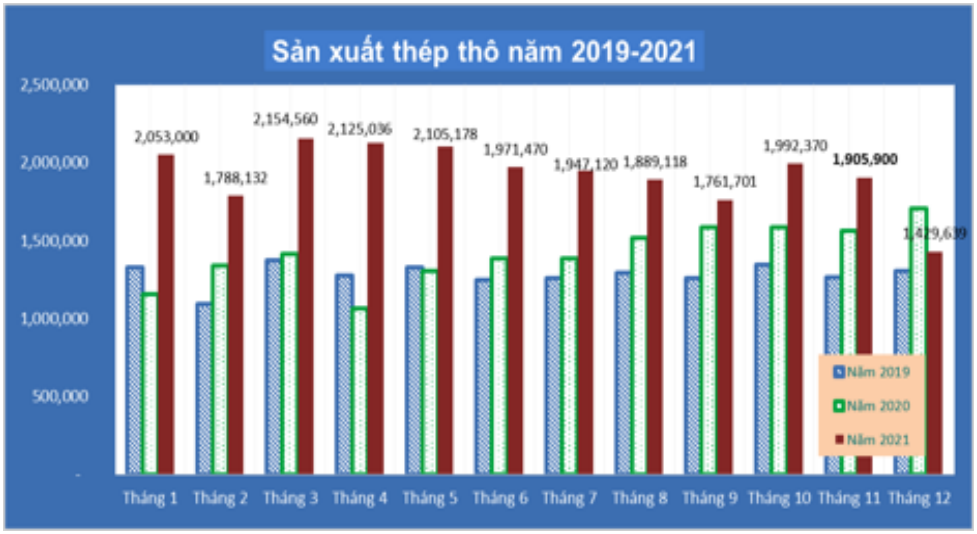

Năm 2021:

❖ Sản xuất đạt **23,018** triệu tấn, **tăng 16%** so với cùng kỳ năm 2020.

❖ Tiêu thụ đạt **23,064** triệu tấn, **tăng 17%** so với cùng kỳ 2020. Trong đó xuất khẩu đạt **2,34** triệu tấn, **ngang mức** cùng kỳ 2020.

Giá phôi thép

Giá phôi thép nhập khẩu cảng Việt Nam năm 2021

Tháng	T1/21	T2/21	T3/21	T4/21	T5/21	T6/21	T7/21	T8/21	T9/21	T10/21	T11/21	T12/21	T1/22
Giá phôi ($/tấn, CFR Vietnam)	590	570	604	630	680	666	660	690	692	710	650	648	748
	595	577	606	633	681	670	660	698	692	710	650	648	748

❖ Giá phôi thép giao dịch ngày 10/1/2022 ở mức 626 USD/T CFR Đông Á, giảm khoảng 22 USD/tấn so với mức giá phôi thép thời điểm đầu tháng 12/2021.

❖ Giá phôi thép trong nước: Giá phôi nội địa tháng 12/2021 tăng khoảng 200 VNĐ/Kg đến 300 VNĐ/Kg giữ giá ở mức 14.800 VNĐ/Kg đến 15.200vnd/Kg cuối tháng 12/2021.

2.2. Tình hình sản xuất - bán hàng thép xây dựng

Dịch Covid 19 kéo dài nên nhiều công trình, và công trình dân dụng bị tạm thời hoãn lại đặc biệt tại khu vực phía Nam dù được tái khởi động trở lại, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn.

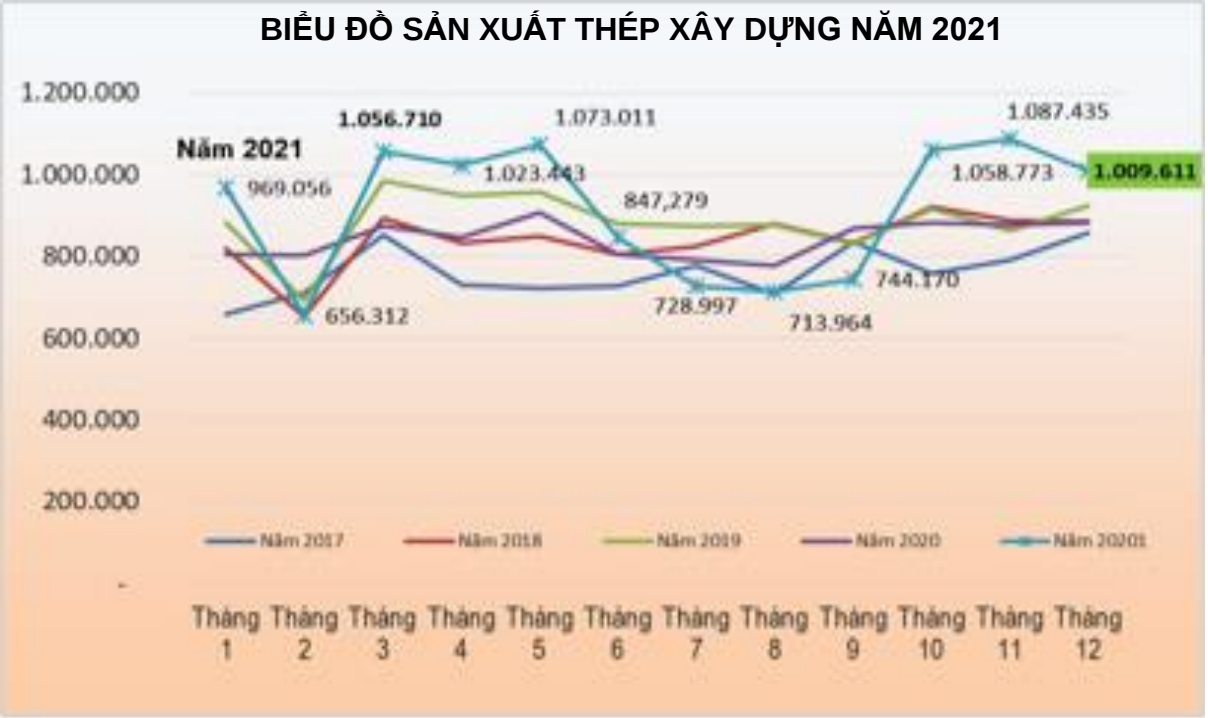

Nguồn: Số liệu tổng hợp báo cáo của các thành viên VSA

❖ Trong tháng 12, tình hình sản xuất thép xây dựng đạt kết quả tốt so với tháng trước và cùng kỳ 2020, tuy nhiên sản lượng bán hàng trong tháng giảm cụ thể:

- Sản lượng thép xây dựng sản xuất trong tháng 12/2021 đạt **1.009.611 tấn**, **giảm 7,16%** so với tháng 11/2021 và **giảm 2,5%** so với cùng kỳ 2020.
- Bán hàng đạt **1.036.183 tấn**, **tăng 18,71%** so với tháng trước nhưng **giảm 10%** so với cùng kỳ năm 2020.trong năm 2021 giảm 3,3% so với cùng kỳ năm 2020.

❖ Sản lượng thép xây dựng bán hàng trong năm 2021 giảm 3,3% so với cùng kỳ năm 2020. Tuy nhiên, nếu tính riêng lượng bán hàng trong nước năm 2021 thì giảm 11% so với cùng kỳ năm 2020. Điều này do nhu cầu tiêu thụ thép trong nước giảm khi nhiều tỉnh thành phố trong cả nước khi các công trình giãn tiến độ do tốc độ giải ngân nguồn vốn chậm, diễn biến dịch phức tạp.

❖ Xuất khẩu thép xây dựng năm 2021 tăng gấp 1,5 lần so với cùng kỳ năm 2020. Các yếu tố thuận lợi cho xuất khẩu như chính sách môi trường, điều chỉnh hoàn thuế xuất khẩu của Chính phủ Trung Quốc và biến động giá quặng, than Coke và phế vừa qua đã ảnh hưởng đến thị trường thép Đông Nam Á trong đó có Việt Nam.

BIỂU ĐỒ BÁN HÀNG THÉP XÂY DỰNG NĂM 2021

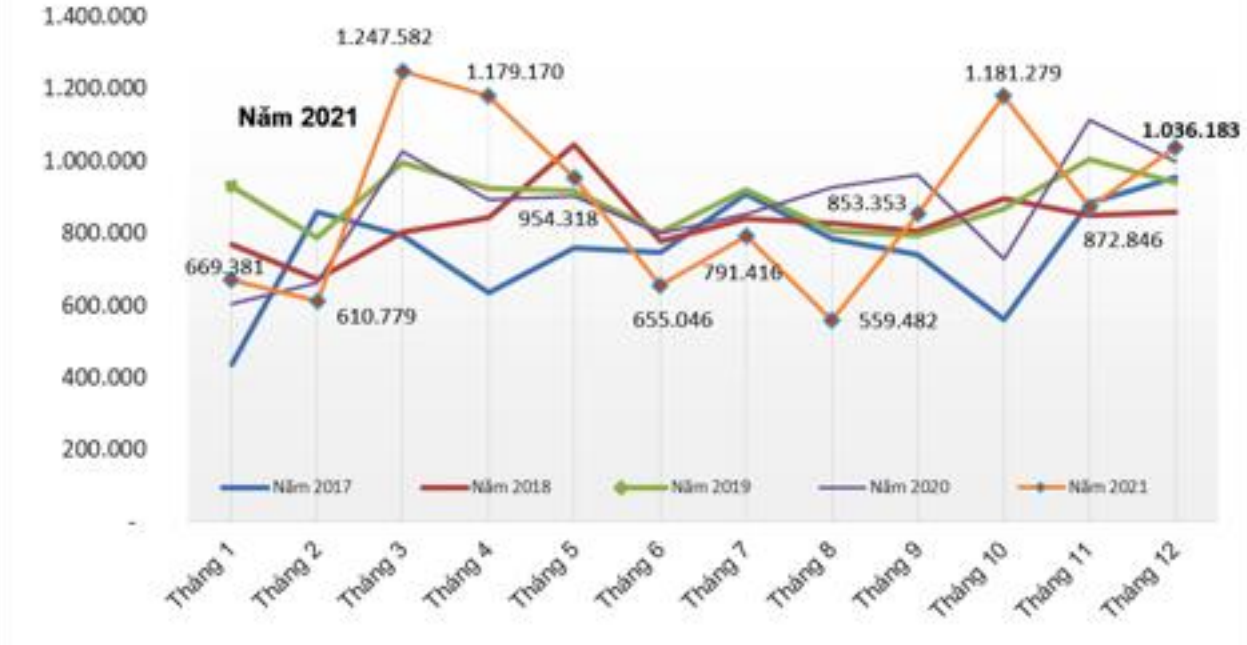

❖ Năm 2021, tăng trưởng tình hình bán hàng thép xây dựng trong nước theo khu vực và mặt hàng, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Bắc	Nam	Trung	Xuất khẩu	Tổng cộng
Sản lượng (tấn)	**5.013.063**	**3.565.201**	**1.116.442**	**2.224.629**	**11.919.335**
So với cùng kỳ 2020 (%)	-10,9%	-10,9%	15,9%	28,7%	-3,3%

- Theo khu vực: miền Bắc giảm 10,9%; miền Nam giảm 10,9%; Xuất khẩu và miền Trung tăng lần lượt 15,9% và 28,7%.

- Theo cơ cấu mặt hàng: Thép cuộn giảm 1,8%, thép thanh giảm 2,9% và thép hình giảm 15,5%

Chỉ tiêu	Mặt hàng			Tổng
	Cuộn	Thanh	Hình	
Sản lượng (tấn)	2.923.920	8.464.215	531.200	**11.919.335**
So với cùng kỳ 2019 (%)	-1,8%	-2,9%	-15,5%	**-3,3%**

❖ Top 5 và thị phần các nhà sản xuất thép xây dựng năm 2021:

Thống kê thị phần TOP 5 DN SX Thép xây dựng

Top 5 DN SX TXD Năm 2021	Sản xuất (Tấn)	Bán hàng (Tấn)	Thị phần
Hòa Phát	4.112.181	3.889.683	**32,63%**
VNSteel	1.640.065	1.511.385	**12,68%**
Formosa Hà Tĩnh	827.680	810.463	**6,80%**
Vinakyoei	690.847	658.782	**5,53%**
Pomina	525.189	470.325	**3,95%**
Khác	***4.565.799***	***4.578.697***	**38,41%**
Tổng	***12.361.761***	***11.919.335***	***100,0%***

Nguồn: Tổng hợp DN sản xuất thép xây dựng

Biểu đồ thị phần TOP 5 Doanh nghiệp sản xuất Thép xây dựng

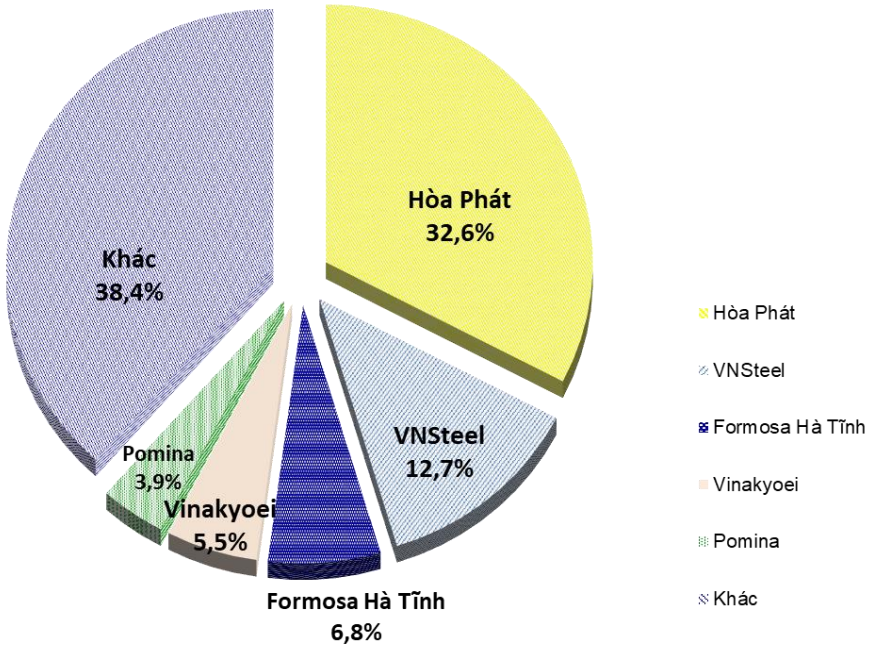

❖ Trong tháng 12/2021, thị trường nguyên liệu thép toàn cầu tiếp nối xu hướng giảm từ tháng trước. Đặc biệt giá mua giao kỳ hạn của Trung Quốc tháng 1 và tháng 2/2022 giảm nên ảnh hưởng đến giá xuất khẩu Việt Nam hiện nay.

❖ Giá bán thép xây dựng trong nước điều chỉnh tăng cuối tháng 12/2021 khoảng 200 đồng/kg vào cuối tháng 12/2021, đầu tháng 1/2022, ở mức bình quân khoảng 16.100-16.200 đồng/kg tùy thuộc từng chủng loại sản phẩm và từng doanh nghiệp cụ thể.

Nguồn: Tổng hợp *DN sản xuất thép xây dựng*

Giá thép xây dựng trong nước:

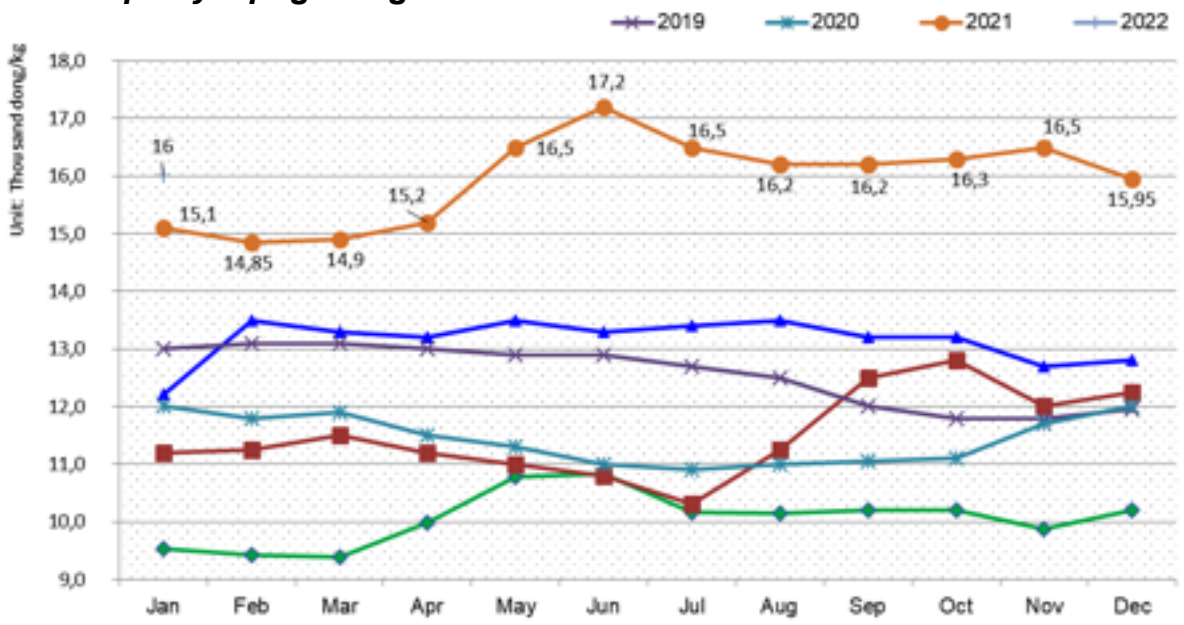

Biểu đồ giá thép xây dựng trong nước năm 2021

❖ Triển vọng thị trường quý I/2022 đang chậm lại do nhu cầu trong nước thấp. Xét thị trường tiêu thụ thép dài tại Việt Nam thì nhu cầu có tín hiệu tích cực cho các công trình dân dụng và hạ tầng cơ sở, đặc biệt đầu tư công lớn. Xu hướng giá giảm trong thời gian qua do giá phế nhập và nội địa giảm góp phần khiến các nhà thương mại e dè mua hàng vào cuối năm.

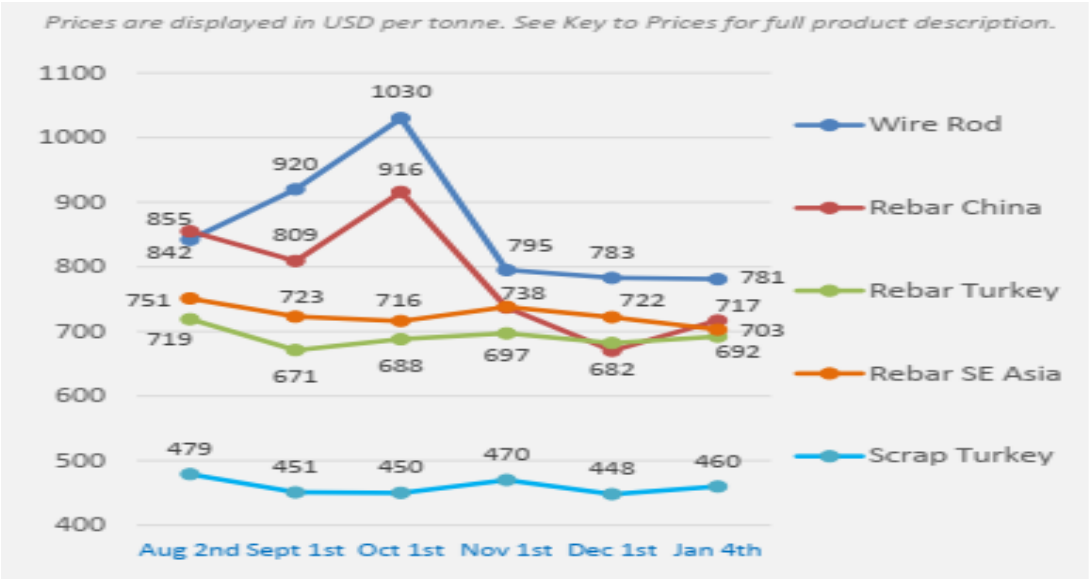

Biểu đồ giá theo khu vực năm 2021

❖ Trong tháng 12/2021: Phế nội địa giảm 200VNĐ/Kg đến 400VNĐ/Kg giữ mức 10.400 đến 10.500VNĐ/Kg, nhưng phế liệu phía Bắc tăng 800VNĐ/Kg,ở mức 11.700VNĐ/Kg; Giá phế nhập khẩu giữ mức 530 USD/tấn cuối tháng 11/2021

❖ Giá phôi cảng Đông Á giao dịch giảm giảm 27 USD/tấn giữ mức 621 USD/tấn cuối tháng 12/2021. Giá phôi nội địa tăng khoảng 200 VNĐ/Kg đến 300 VNĐ/Kg giữ giá ở mức 14.800 VNĐ/Kg đến 15.200 VNĐ /Kg cuối tháng 12/2021.

Các yếu tố tác động đến giá thép xây dựng trong nước:

Giá nhập khẩu thép phế, phôi thép và thép xây dựng tháng 12/2021

(ĐVT: USD/Tấn, CFR Đông Á)

Ngày tháng	Thép phế	Phôi vuông	Thép thanh
29/11/2021	530÷530	648÷648	727÷727
02/12/2021	530÷530	648÷648	722÷722
10/12/2021	525÷525	645÷645	709÷709
17/12/2021	515÷515	625÷625	709÷709
28/12/2021	509÷509	622÷622	704÷704
31/12/2021	500÷500	621÷621	703÷703

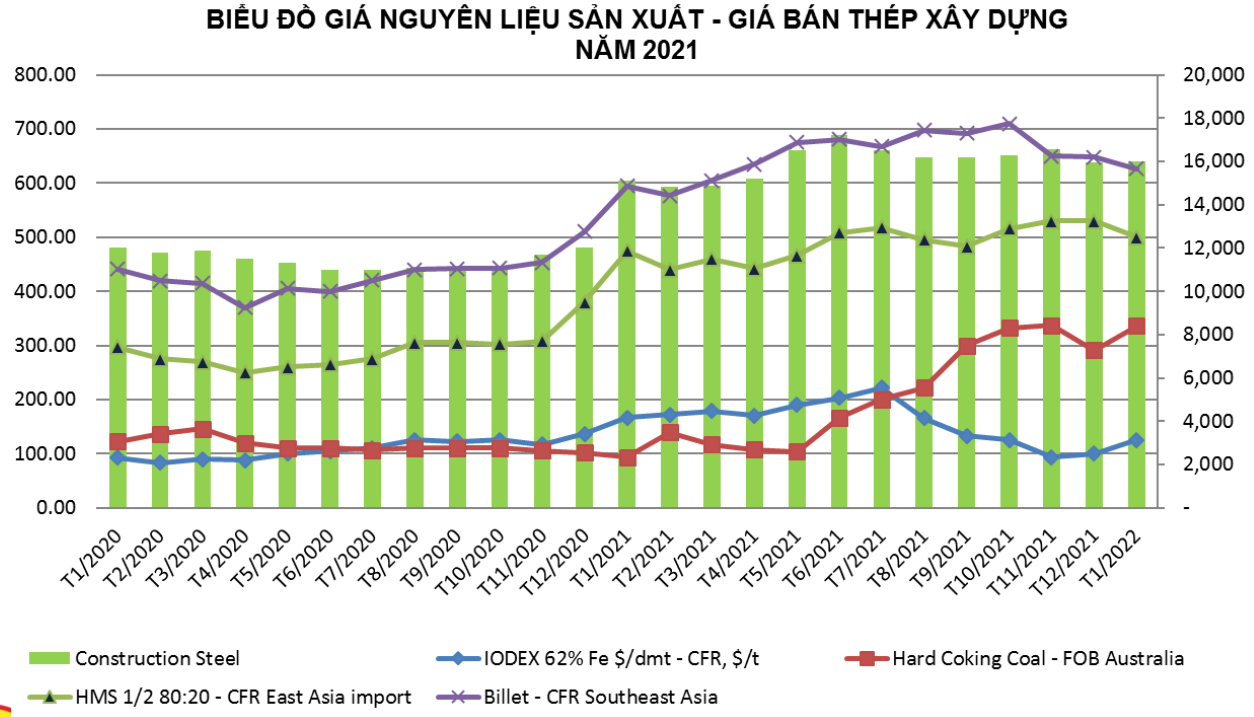

2.3. Tình hình sản xuất - bán hàng thép cuộn cán nóng (HRC)

❖ Tháng 12/2021: Sản xuất thép cuộn cán nóng đạt **580.209** tấn giảm **6,95%** so với tháng 11/2021 nhưng **tăng 4,9%** so với cùng kỳ năm 2020; Bán hàng đạt **605.295** tấn, **tăng 3,28%** so với tháng trước và **tăng 6,1%** so với cùng kỳ 2020.

❖ Tính chung cả năm 2021: Sản xuất thép cuộn cán nóng đạt **7.139.246 tấn**, **tăng 60,4%** so với cùng kỳ; Bán hàng thép cuộn cán nóng đạt **7.129.809 tấn**, **tăng 66,3%** so với cùng kỳ, trong đó xuất khẩu đạt **1.292.300 tấn**, **tăng 75,2%** so với cùng kỳ 2020.

❖ Giá HRC giao dịch cảng Đông Á:

Giá HRC ngày 10/1/2022 ở mức **748 USD/T**, CFR cảng Đông Á, giảm khoảng 33 USD/Tấn so với mức giá giao dịch đầu tháng 12/2021. Nhìn chung, thị trường thép cán nóng (HRC) thế giới biến động, khiến thị trường HRC trong nước khó khăn do các Doanh nghiệp sản xuất thép dẹt (CRC, tôn mạ, ống thép, v.v) sử dụng HRC làm nguyên liệu sản xuất.

Tổng hợp giá HRC tại các thị trường năm 2021

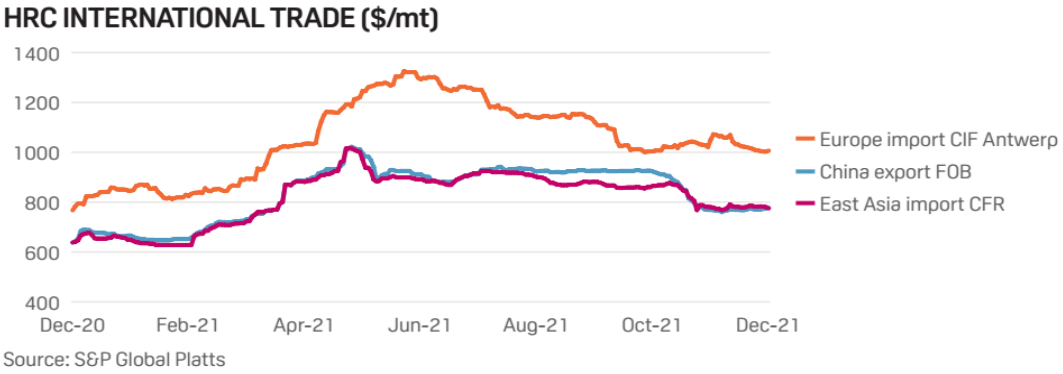

Nguồn: Số liệu tổng Platts

2.4. Tình hình sản xuất – bán hang thép cuộn cán nguội – CRC

Tháng 12/2021:

❖ Sản xuất thép cán nguội trong nước của các thành viên VSA đạt 377.620 tấn, giảm 3,85% so với tháng 11/2021, và giảm 16,4% so với cùng kỳ 2020;

❖ Bán hàng đạt 165.336 tấn, giảm 5,34% so với tháng trước và giảm 23,6% so với cùng kỳ 2020; Trong đó, xuất khẩu đạt 51.456 tấn, tăng 12,36% so với tháng trước và tăng 37,6% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung cả năm 2021: Sản lượng sản xuất – bán hàng thép cuộn cán nguội vẫn đạt kết quả tích cực, cụ thể:

❖ Sản xuất cuộn cán nguội đạt 5.171.683 tấn, tăng 16,5% so với cùng kỳ 2020;

❖ Bán hàng cuộn cán nguội đạt 2.289.960 tấn, tăng 5,5% so với cùng kỳ 2020, trong đó xuất khẩu đạt 642.899 tấn, tăng 42,1% so với cùng kỳ 2020.

Tổng hợp giá HRC- Thép dẹt tại các thị trường năm 2021

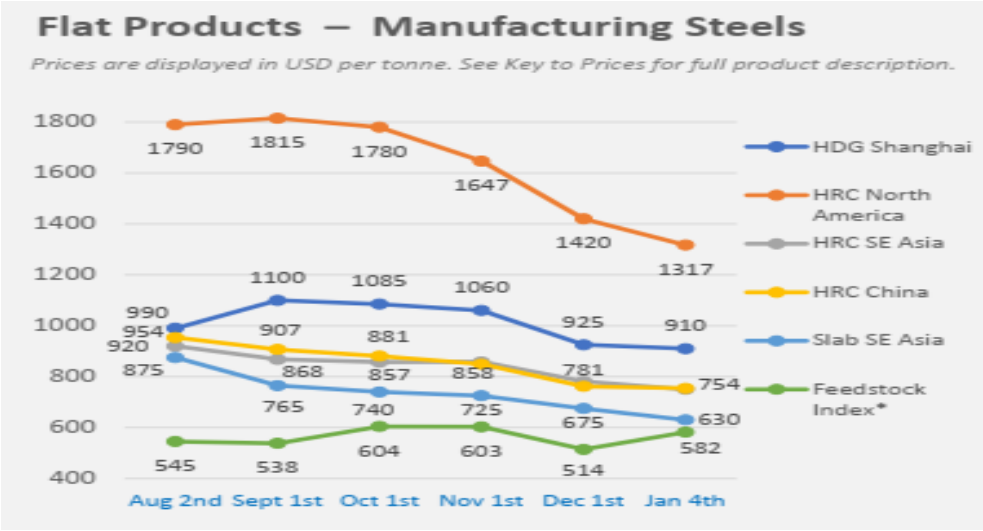

(Nguồn: Australia News tháng 1/2022)

2.5. Tình hình sản xuất - bán hàng Tôn mạ KL& SPM

Tháng 12/2021:

❖ Sản xuất tôn mạ KL & SPM của các thành viên Hiệp hội đạt **527.470 tấn**, **giảm 6,69%** so với tháng 11/2021, và **tăng 10,6%** so với cùng kỳ năm 2020;

❖ Bán hàng đạt **465.785 tấn**, **giảm 4,11%** so với tháng trước, nhưng **tăng 22%** so với cùng kỳ 2020. Trong đó xuất khẩu đạt **269.266 tấn, tăng 85,5%** so với cùng kỳ 2020.

Tính chung cả năm 2021:

❖ Sản xuất tôn mạ KL & SPM của các thành viên VSA đạt **5.959.454 tấn**, **tăng 34,3%** so với cùng kỳ 2020;

❖ Và bán hàng đạt **5.358.484 tấn**, **tăng 36,4%** so với mức cùng kỳ 2020 trong đó xuất khẩu đạt **3.370.482 tấn**, **tăng 2,08 lần** so với cùng kỳ năm trước.

Thị phần TOP 5 doanh nghiệp sản xuất tôn mạ KL & sơn phủ màu

Top 5 DNSX Tôn mạ KL & SPM Năm 2021	Sản xuất (Tấn)	Bán hàng (Tấn)	Thị phần (%)
Hoa Sen	1.940.202	1.925.238	35,9%
Nam Kim	1.032.232	933.243	17,4%
Tôn Đông Á	827.664	767.215	14,3%
Hòa Phát	452.678	428.785	8,0%
TVP	404.851	359.495	6,7%
Khác	***1.301.827***	***944.508***	17,6%
Tổng	***5.959.454***	***5.358.484***	**100%**

Tôn mạ kim loại & SPM là một trong những ngành hàng duy trì được lượng xuất khẩu khá tốt, dẫn đến tổng lượng bán hàng tăng trưởng cao so với cùng kỳ 2020.

Thị phần Top 5 Doanh nghiệp bán hàng tôn mạ kim loại & sơn phủ màu trong nước năm 2021

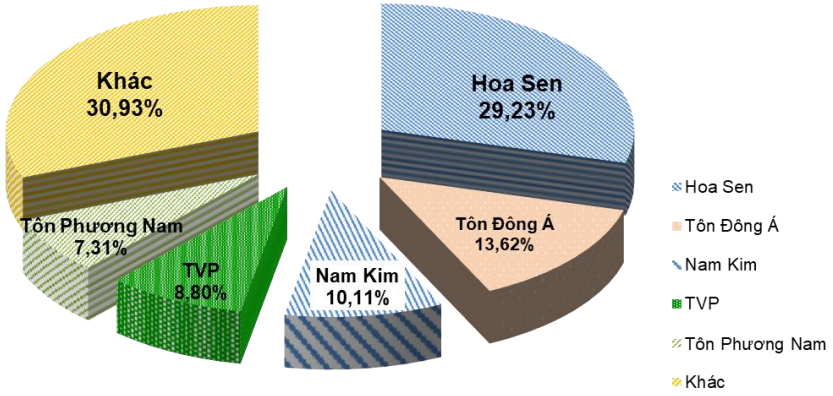

Nguồn: Số liệu tổng hợp báo cáo của các thành viên VSA

2.6. Tình hình sản xuất - bán hàng Ống thép hàn

Tháng 12/2021:

❖ Sản xuất Ống thép của các thành viên VSA đạt **219.021 tấn**, **ngang mức** tháng trước nhưng **giảm 17,7%** so với cùng kỳ 2020;

❖ Bán hàng đạt **226.447 tấn**, **tăng 13,6%** so với tháng trước, nhưng **giảm 18,7%** so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu ống thép hàn đạt **20.663 tấn**, **tăng 58,6%** so với tháng 11/2021 nhưng **giảm 2,5%** so với tháng cùng kỳ 2020.

Tính chung cả năm 2021:

❖ Sản xuất đạt **2.664.118 tấn**, **tăng 0,5%** so với cùng kỳ năm trước.

❖ Bán hàng đạt **2.730.587 tấn**, **giảm nhẹ 0,4%** so với cùng kỳ 2020, trong đó lượng xuất khẩu đạt **237.273 tấn, giảm 15,6%** so với cùng kỳ 2020.

Bảng thị phần TOP 5 doanh nghiệp sản xuất ống thép

Top 5 DN SX Ống thép Năm 2021	Sản xuất (Tấn)	Bán hàng (Tấn)	Thị phần
Hòa Phát	684.975	675.364	24,73%
Hoa Sen	352.661	422.893	15,49%
Minh Ngọc	185.320	182.510	6,68%
TVP	165.009	166.492	6,10%
Nam Kim	148.633	147.329	5,40%
Khác	1.127.520	1.135.999	41,60%
Tổng	***2.664.118***	***2.730.587***	100,00%

Nguồn: Số liệu tổng hợp báo cáo của các thành viên VSA

Biểu đồ thị phần TOP 5 Doanh nghiệp sản xuất Ống thép

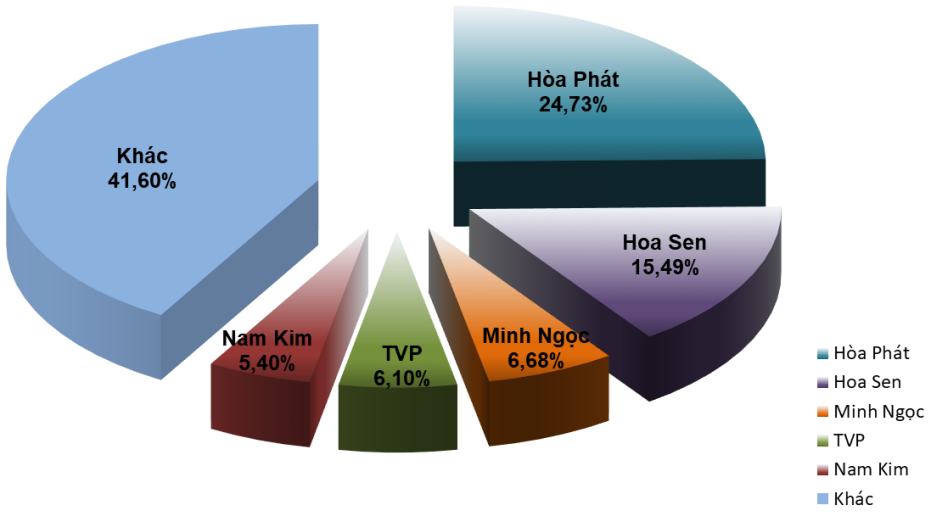

Nguồn: Số liệu tổng hợp báo cáo của các thành viên VSA

2.7. Tổng hợp sản xuất và bán hàng thép thành phẩm các loại

Tháng 12/2021:

❖ Sản xuất thép thành phẩm đạt **2,713 triệu tấn, giảm 6,03%** so với tháng 11/2021 và **giảm 2,5%** so với cùng kỳ 2020;

❖ Bán hàng thép các loại đạt **2,499 triệu tấn**, **tăng 7,78%** so với tháng trước nhưng **giảm 3,8%** so với cùng kỳ;

Tính chung cả năm 2021:

❖ Sản xuất thép thành phẩm các loại đạt **33,29 triệu tấn**, **tăng 19,1%** so với cùng kỳ năm 2020.

❖ Bán hàng thép các loại đạt **29,42 triệu tấn**, **tăng 15,6%** so với cùng kỳ 2020. Trong đó xuất khẩu các thành viên VSA đạt **7,76 triệu tấn**, **tăng 70%** so với cùng kỳ 2020.

SẢN XUẤT – BÁN HÀNG CÁC THÉP THÀNH PHẨM CÁC LOẠI

STT	Ngành hàng	Tháng 12.2021			Tháng 12.2020			% so với cùng kỳ		
		Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Xuất khẩu (tấn)	Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Xuất khẩu (tấn)	SX	BH	XK
1	Thép Xây dựng	1.009.611	1.036.183	196.767	1.035.416	1.151.800	160.655	97,5%	90,0%	122,5%
2	Ống thép	219.021	226.447	20.663	266.214	278.455	21.189	82,3%	81,3%	97,5%
3	Tôn mạ KL & SPM	527.470	465.785	269.266	476.908	381.791	145.196	110,6%	122,0%	185,5%
4	Thép cán nguội	377.620	165.336	51.456	451.535	216.319	37.407	83,6%	76,4%	137,6%
5	HRC	580.209	605.295	87.900	553.242	570.365	83.300	104,9%	106,1%	105,5%
	Tổng cộng	**2.713.931**	**2.499.046**	**626.052**	**2.783.315**	**2.598.730**	**447.747**	**97,5%**	**96,2%**	**139,8%**

Nguồn: VSA

SẢN XUẤT – BÁN HÀNG CÁC THÉP THÀNH PHẨM

QUÝ IV/2021

STT	Ngành hàng	Quý IV/ 2021			Quý IV/ 2020			% so với cùng kỳ		
		Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Xuất khẩu (tấn)	Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Xuất khẩu (tấn)	SX	BH	XK
1	Thép Xây dựng	3,155,819	3,090,308	654,544	3,101,715	3,305,251	412,716	101.7%	93.5%	158.6%
2	HRC	1,822,605	1,749,181	241,000	1,564,276	1,428,427	252,780	116.5%	122.5%	95.3%
3	Thép cán nguội	1,194,687	499,912	147,360	1,261,686	588,970	125,487	94.7%	84.9%	117.4%
4	Tôn mạ KL & SPM	1,619,080	1,463,145	902,629	1,274,251	1,077,350	467,511	127.1%	135.8%	193.1%
5	Ống thép	848,064	689,841	52,379	760,410	803,954	67,251	111.5%	85.8%	77.9%
	Tổng cộng	**8,640,255**	**7,492,387**	**1,997,912**	**7,962,338**	**7,203,952**	**1,325,745**	**108.5%**	**104.0%**	**150.7%**

Nguồn: Số liệu tổng hợp báo cáo của các thành viên VSA

SẢN XUẤT – BÁN HÀNG CÁC THÉP THÀNH PHẨM

NĂM 2021

STT	Ngành hàng	Năm 2021			Năm 2020			% so với cùng kỳ		
		Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Xuất khẩu (tấn)	Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Xuất khẩu (tấn)	SX	BH	XK
1	Thép Xây dựng	12.361.761	11.919.335	2.224.629	11.966.004	12.320.895	1.469.150	103,3%	96,7%	151,4%
2	HRC	7.139.246	7.129.809	1.292.300	4.452.283	4.287.458	737.692	160,4%	166,3%	175,2%
3	Thép cán nguội	5.171.683	2.289.960	642.899	4.438.184	2.170.718	452.503	116,5%	105,5%	142,1%
4	Tôn mạ KL & SPM	5.959.454	5.358.484	3.370.482	4.437.755	3.929.338	1.619.361	134,3%	136,4%	208,1%
5	Ống thép	2.664.118	2.730.587	237.273	2.651.109	2.741.917	281.139	100,5%	99,6%	84,4%
	Tổng cộng	**33.296.262**	**29.428.175**	**7.767.583**	**27.945.335**	**25.450.326**	**4.559.845**	**119,1%**	**115,6%**	**170,3%**

Nguồn: Số liệu tổng hợp báo cáo của các thành viên VSA

3. XUẤT NHẬP KHẨU THÉP

3.1. TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU

❖ Tháng 12/2021: Nhập khẩu thép về Việt Nam đạt ~ 1 triệu tấn với kim ngạch xấp xỉ 1,14 tỷ USD, tăng 11% về lượng và tăng 66% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020;

❖ Năm 2021: Nhập khẩu thép thành phẩm các loại về Việt Nam khoảng 13 triệu tấn với trị giá hơn 12,2 tỷ USD, giảm 7% về lượng nhưng tăng 38% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

❖ Các quốc gia cung cấp thép chính cho Việt Nam trong năm 2021: Lượng thép nhập khẩu từ Trung Quốc chiếm khoảng 41,38% tổng lượng thép nhập khẩu và 39,04% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Các quốc gia tiếp theo cung cấp thép cho Việt Nam là Nhật Bản (14,51%), Hàn Quốc (13,63%), Ấn Độ (12,2%) và các quốc gia khác.

Diễn biến lượng và giá thép nhập khẩu vào Việt Nam năm 2021

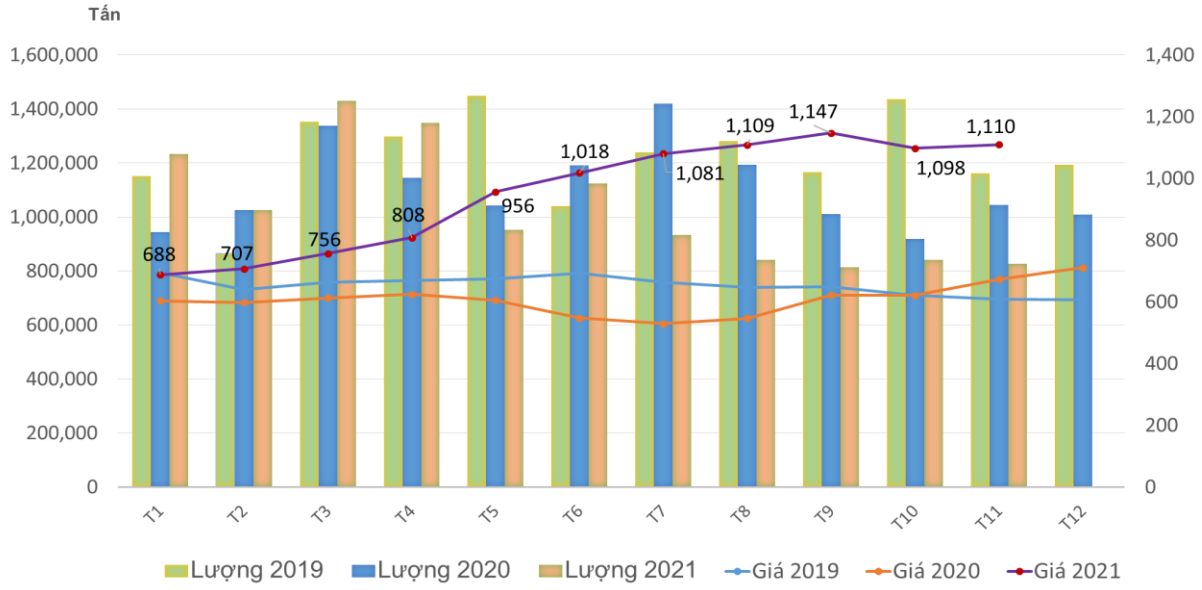

Nguồn: VITIC tính toán từ số liệu của TCHQ, VSA

Các quốc gia cung cấp thép phế liệu của Việt

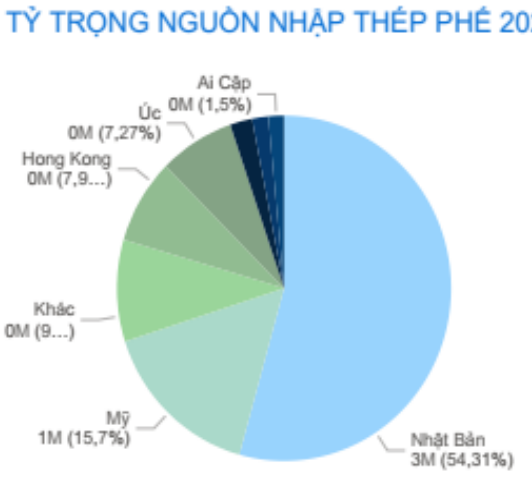

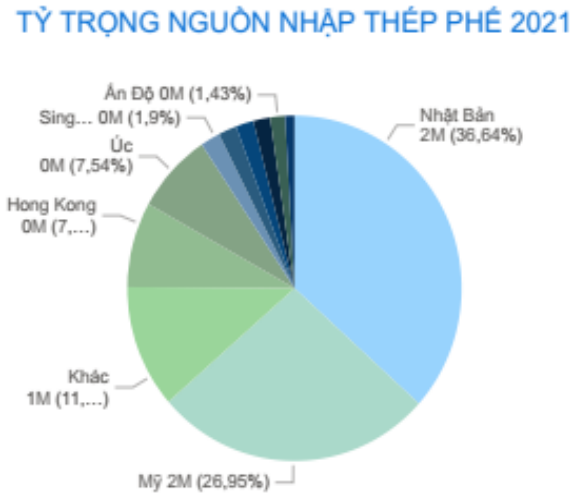

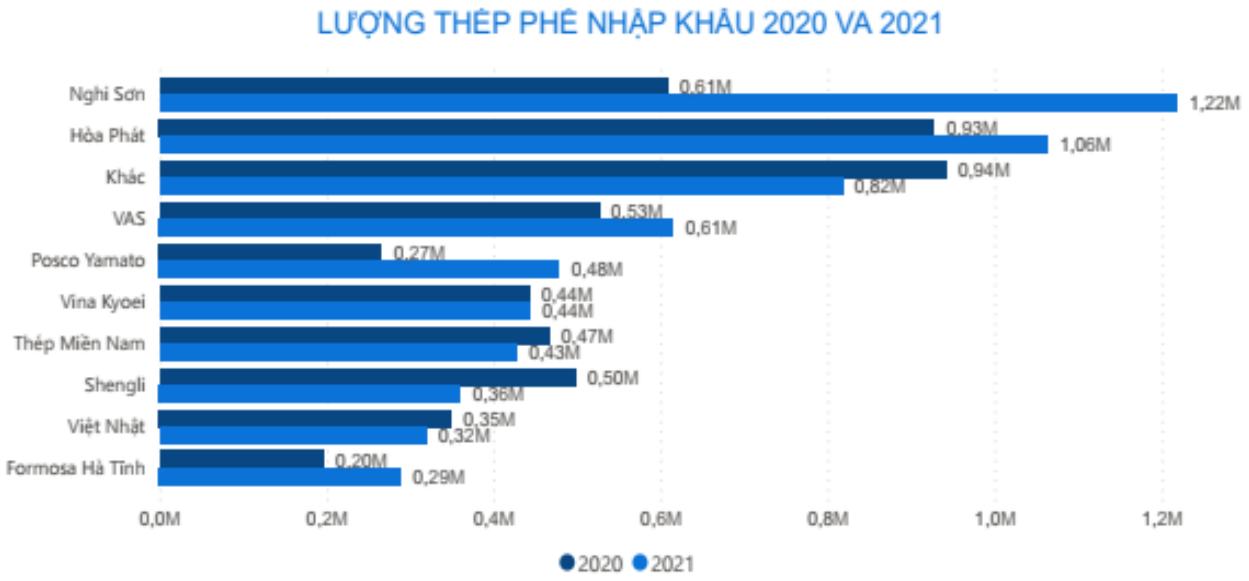

Nguồn: VSA tổng hợp từ số liệu DN thành viên cung cấp

3.2. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU

❖ Tháng 12/2021, xuất khẩu thép của Việt Nam đạt 940 ngàn tấn, giảm 23% so với tháng trước và 9% so với cùng kì năm 2020. Trị giá xuất khẩu đạt hơn 1 tỷ USD, giảm 21% so với tháng 11/2021 nhưng tăng 64% so với cùng kỳ năm 2020.

❖ Trong năm 2021, Việt Nam xuất khẩu thép đạt khoảng 14 triệu tấn, với trị giá đạt hơn 12,7 tỷ USD đến hơn 20 quốc gia và khu vực trên thế giới.

Việc phát triển xuất khẩu sản phẩm là một mặt nhưng đồng thời cơ cấu thị trường xuất khẩu các sản phẩm thép Việt Nam cũng có thay đổi, điều này cho thấy sự linh hoạt thích ứng của các doanh nghiệp thép Việt Nam.

Diễn biến lượng và giá thép xuất khẩu của Việt Nam năm 2021

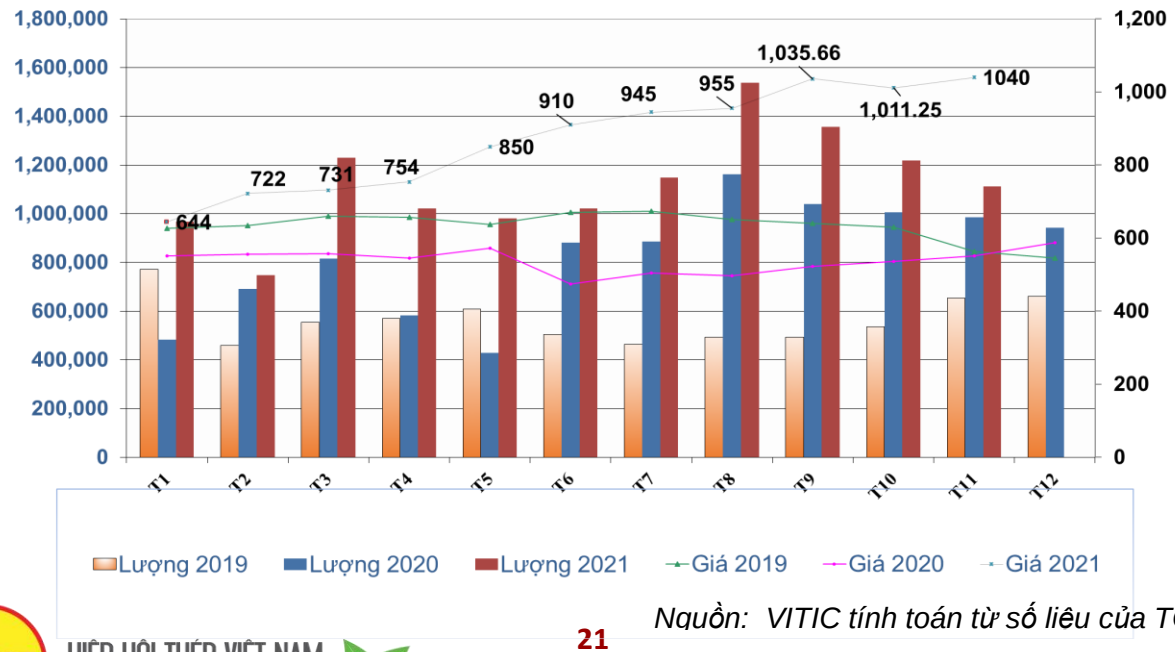

Nguồn: VITIC tính toán từ số liệu của TCHQ, VSA

- Top 5 thị trường xuất khẩu thép của VN năm 2020 là ASEAN (42,6%), Trung Quốc (36,53%), EU (2,88%), Đài Loan (2,86%) và Mỹ (1,87%) thì năm 2021 cũng có sự thay đổi như ASEAN vẫn là thị trường truyền thống (28,64%), Trung Quốc (21,32%), EU (12,56%), Mỹ (7,51%) và Đài Loan (5,05%).

TỶ TRỌNG XUẤT THÉP THÔ THEO QUỐC GIA 2020

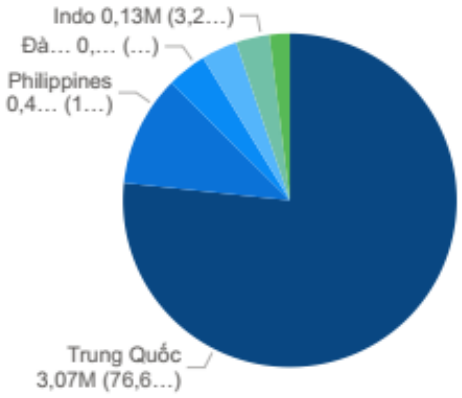

TỶ TRỌNG XUẤT THÉP THÔ THEO QUỐC GIA 2021

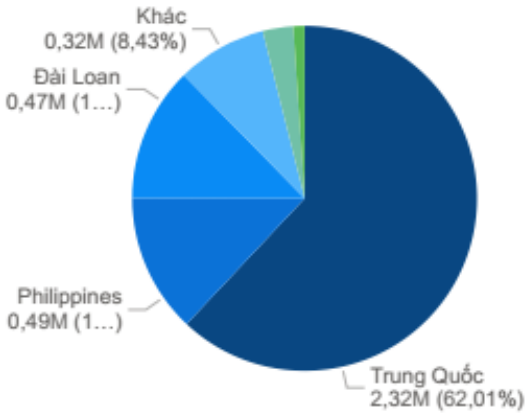

T

QUOC GIA 2020

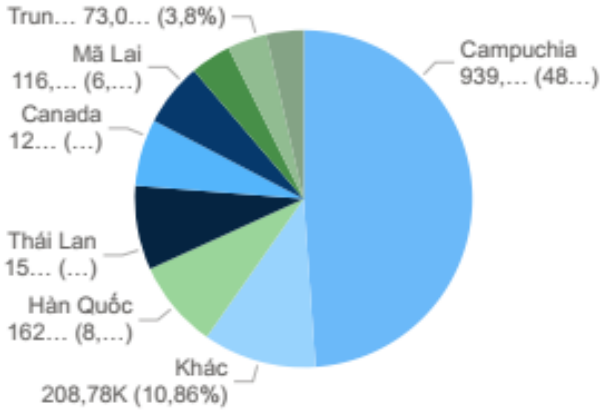

QUOC GIA 2021

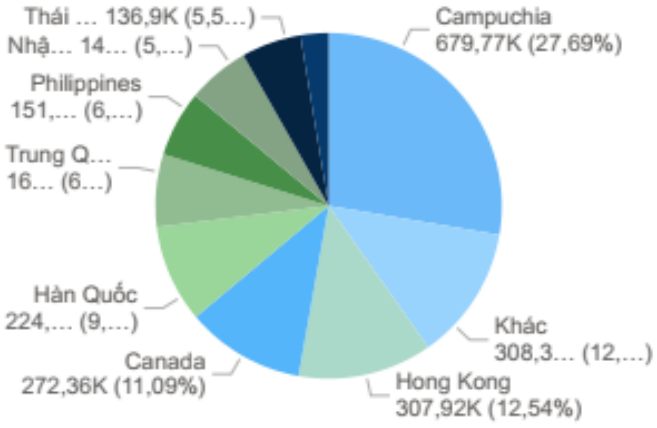

TỶ TRỌNG XUẤT KHẨU TÔN MẠ THEO QUỐC GIA 2020

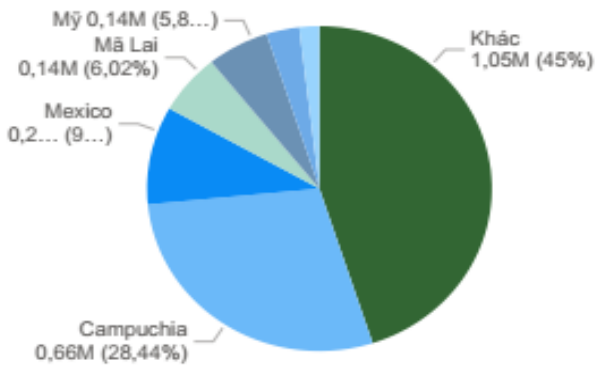

TỶ TRỌNG XUẤT KHẨU TÔN MẠ THEO QUỐC GIA 2021

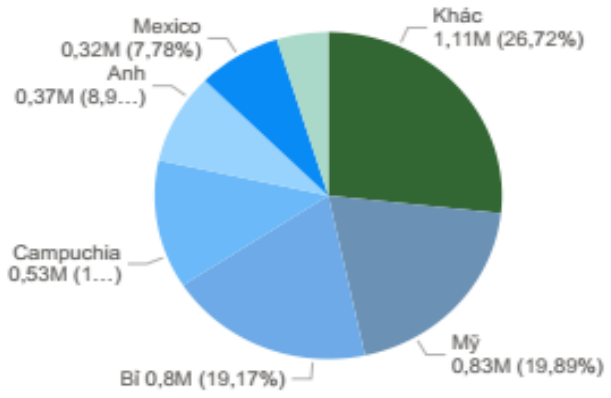

Nguồn: VSA tổng hợp từ số liệu DN thành viên cung cấp

4. DIỄN BIẾN CÁC VỤ VIỆC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM THÉP CỦA VIỆT NAM

4.1. NHẬN ĐỊNH CHUNG

❖ Như chúng ta đã biết, tính đến nay Việt Nam đã tham gia ký và thực hiện 15 FTA nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa. Đối với ngành thép, những năm gần đây (giai đoạn 2016-2021), xuất khẩu thép của Việt Nam đã đạt được những kết quả rất đáng mừng với tăng trưởng bình quân XK thép và bán thành phẩm thép (thép thô, ferro, v.v) khoảng hơn 20%/năm, trong đó tính riêng xuất khẩu thép thành phẩm tăng trưởng khoảng 12%/năm. Mặc dù phải đối phó với đại dịch Covid 19, ngành thép Việt Nam vẫn có những bước bức phá ngoại mục. Như số liệu tổng hợp phía trên, Việt Nam đã xuất khẩu được hơn 14 triệu tấn thép các loại, với trị giá xuất khẩu đạt hơn 12,7 tỷ USD tính đến hết 31/12/2021.

❖ Tính đến ngày 31/12/2021, Việt Nam chủ yếu rà soát các vụ việc như AD01, AD02, AD03, AD04 và ra quyết định áp dụng biện pháp CBPG chính thức đối với vụ việc AD12; Ngày 09/09/2021, Bộ Công Thương ban hành 06 Quyết định bổ sung miễn trừ áp dụng biện pháp CBPG năm 2021 đối với các vụ việc AD01 (thép không gỉ cán nguội) và AD04 (thép phủ màu).

❖ Đối với các vụ việc kháng kiện:

- Hoa Kỳ không khởi xướng điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá với thép chống ăn mòn (CORE) của Việt Nam sản xuất từ thép cán nguội (CRS) và thép cán nóng (HRS) nhập khẩu từ Nhật Bản;

- Hoa Kỳ ban hành kết luận sơ bộ đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần thứ 4 (POR4) đối với sản phẩm ống dẫn dầu nhập khẩu từ Việt Nam.

4.2. CÁC VỤ VIỆC TRONG NƯỚC KHỞI XƯỚNG ĐIỀU TRA

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Việt Nam đã tiến hành khởi xướng điều tra 09 vụ việc phòng vệ thương mại liên quan đến các sản phẩm thép nhập khẩu vào Việt Nam

- ✓Thép không gỉ cán nguội (AD01)
- ✓Tôn mạ (AD 02)
- ✓Thép hình H (AD03)
- ✓Tôn mạ màu (AD04)
- ✓Phôi thép và Thép dài (SG 04)
- ✓Tôn màu (SG 05) (Từ 15/6/2020: Hết hiệu lực)
- ✓Thép cuộn và thép dây (Chống lẩn tránh biện pháp PVTM)
- ✓Thép các-bon cán nguội (ép nguội) dạng cuộn hoặc tấm (AD 08)
- ✓Thép hình chữ H từ Malaysia (AD12)

CÁC VỤ VIỆC VIỆT NAM KHỞI XƯỚNG ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI SẢN PHẨM NGHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM

ĐỐI TƯỢNG	NĂM	SẢN PHẨM
WORLD	2016	Tôn màu (SG05)
TRUNG QUỐC, INDO, MALAY, ĐÀI LOAN	2018	Thép không gỉ cán nguội (AD01)
TRUNG QUỐC	2019	Thép các-bon cán nguội (ép nguội) dạng cuộn hoặc tấ
TRUNG QUỐC	2019	Thép hình H (AD03)
MALAYSIA	2020	Thép hình chữ H từ Malaysia (AD12)
TRUNG QUỐC, HÀN QUỐC	2020	Tôn mạ màu (AD04)
WORLD	2020	Phôi thép và Thép dài (SG04)
WORLD	2020	Thép cuộn và thép dây (Chống lẩn tránh biện pháp PVT
TRUNG QUỐC, HÀN QUỐC	2021	Tôn mạ (AD02)

Diễn biến chi tiết một số vụ việc PVTM năm 2021:

❖ Liên quan đến biện pháp tự vệ và biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM đối với sản phẩm thép (vụ việc ER01.SG04 và AC01.SG04): Sau khi tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị miễn trừ biện pháp PVTM các vụ việc nêu trên, BCT đã ban hành 07 Quyết định miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ và biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại cho năm 2021 và 2022.

4.3. CÁC VỤ VIỆC NƯỚC NGOÀI KHỞI XƯỚNG ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI SẢN PHẨM THÉP XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

Trong thời gian kể từ 2004 – 12/2021, nước ngoài kiện thép xuất khẩu của Việt Nam là 66 vụ việc (*)

- ✓Kiện chống bán phá giá (37 vụ)
- ✓Kiện chống trợ cấp (3 vụ)
- ✓Kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp (6 vụ)
- ✓Kiện điều tra áp dụng biện pháp tự vệ (13 vụ)
- ✓Kiện chống lẩn tránh thuế AD & CVD (6 vụ)

(*) EU: 1 vụ (khởi kiện 8/2004; 7/2005 chấm dứt do nguyên đơn rút đơn kiện).

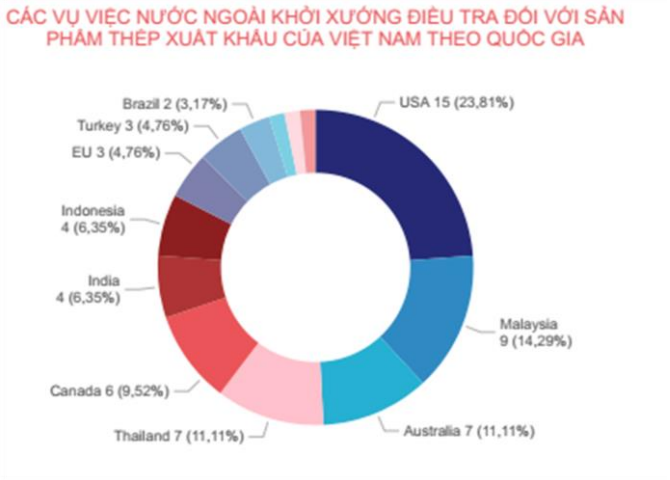

Diễn biến mới một số vụ việc trong tháng 12/2021

❖ Thái Lan áp thuế chống bán phá giá đối với thép cán nóng (HRC) từ Ai Cập và Việt Nam

- Thông tin từ Ủy ban Chống bán phá giá, chống trợ cấp giá Thái Lan, nước này áp thuế chống bán phá giá đối với các sản phẩm cuộn cán nóng và tấm cán nóng (HRC) từ Ai Cập và Việt Nam.

- Theo đó, thép HRC của Formosa Hà Tĩnh chịu mức thuế 24,38%, các nhà sản xuất khác của Việt Nam chịu thuế 42,34%. Thuế này có hiệu lực từ ngày 1/12/2021.

- Trước đó, ngày 16/11, Bộ Ngoại thương Thái Lan thông báo khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với thép cuộn cán nóng và thép tấm cán nóng có xuất xứ từ Việt Nam và Ai Cập theo Đạo luật chống bán phá giá và trợ cấp nước ngoài B.E. 2542.

- Mặt hàng bị điều tra là thép cuộn cán nóng và thép tấm cán nóng có độ dày từ 0,9 - 100mm, rộng 100 - 3.200 mm.

❖ Mê-hi-cô nhận đơn yêu cầu điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm thép mạ có xuất xứ từ Việt Nam

- Các nhà sản xuất và xuất khẩu của VN được gia hạn nộp bảng trả lời đến ngày 08/11/2021 và VSA đã đại diện các nhà sản xuất xuất khẩu của Việt Nam có bản đệ trình gửi cơ quan điều tra.

- Trước đó, ngày 9 tháng 9 năm 2021, Cục PVTM gửi thư tới cơ quan điều tra Mexico đề nghị xem xét: (i) sử dụng các số liệu của Việt Nam để tính toán biên độ phá giá thay vì sử dụng giá trị thay thế; (ii) gia hạn thời gian trả lời bản câu hỏi điều tra; (iii) phối hợp với các cơ quan liên quan của Mê-hi-cô tạo điều kiện, hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam trong quá trình điều tra.

- Sản phẩm bị cáo buộc: Thép tôn mạ KL & SPM.

- Thời gian điều tra thiệt hại: 2018-2020

❖ **Hoa Kỳ không khởi xướng điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá với thép chống ăn mòn (CORE) của Việt Nam sản xuất từ thép cán nguội (CRS) và thép cán nóng (HRS) nhập khẩu từ Nhật Bản**

- Ngày 20 tháng 12 năm 2021, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã ra thông báo không khởi xướng điều tra lẩn tránh thuế thép chống ăn mòn (CORE) của Việt Nam có sử dụng nguyên liệu nhập khẩu từ Nhật Bản.

- Lý do DOC đưa ra là đơn kiện của nguyên đơn thiếu căn cứ để khởi xướng. Cụ thể:

- (i) Về phạm vi sản phẩm: phạm vi sản phẩm của lệnh áp thuế với Nhật Bản chỉ bao gồm HRS, CRS và đã loại trừ các sản phẩm CORE. Do đó, DOC cho rằng không có căn cứ để mở rộng lệnh áp thuế chống bán phá giá thép cán nóng (HRS), thép cán nguội (CRS) của Nhật Bản với sản phẩm CORE của Việt Nam (theo quy định tại Mục 781(c)(2) của Đạo luật thuế quan 1930 của Hoa Kỳ).

- Đây cũng là lập luận của các doanh nghiệp Việt Nam và một số bên liên quan khác gửi lên DOC.